

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-PT

Ngày 22/4/2025

V/v “tranh chấp hợp đồng hợp
tác chăn nuôi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản và bà Vũ Thị An.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác chăn nuôi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 285/2024/QĐXX-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S.

Trụ sở: Xóm 6, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Trung T, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đỗ Quỳnh H, nhân viên công ty

Bà Phạm Ngọc A – Luật sư công ty

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Ngô Doãn M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông M: Ông Ngô Xuân T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M: Ông Nguyễn Văn T2 –
Tư vấn viên Trung tâm T5.

Địa chỉ: Tổ D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên
(Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Xuân T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Xóm V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đ: Ông Ngô Xuân T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt)

Người làm chứng: Bà Phùng Thị H1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ C, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản khai tại Tòa án và tại phiên toà người được uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty Cổ phần S (viết tắt Công ty S) và ông Ngô Doãn M có hợp tác chăn nuôi gà với nhau và các bên có ký kết hợp đồng hợp tác, thể hiện tại Hợp đồng hợp tác chăn nuôi ngày 13/4/2021 và Phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty S với ông Ngô Doãn M. Về nội dung hợp đồng thì Công ty S cung cấp gà giống, số lượng nuôi được quy định tại Phụ lục hợp đồng, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi. Ông M chủ trang trại lo hệ thống chuồng trại; chủ trang trại phải đặt cọc tiền giống. Thời hạn hợp đồng là 1 năm kể từ ngày ký kết và sẽ tự động gia hạn. Tiền công: Công ty S sẽ trả cho chủ trại là 6.000đ/kg gà đối với gà thịt; 5.000đ/kg đối với gà mái nướng, lầu. Ngoài ra, còn quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, quy định về tỷ lệ thức ăn, tỷ lệ thuốc thú y, tỷ lệ gà chết được tính theo tỷ lệ phần trăm, điều kiện chấm dứt hợp đồng, xử lý tài sản.

Do ông Ngô Doãn M không đặt tiền cọc, nhưng có thoả thuận với Công ty là đồng ý trả lãi suất là 1%/tháng. Tại Biên bản giao nhận tiền cọc ngày 13/4/2021 ông M đồng ý trả lãi suất là 1%/100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) từ là 1.000.000 đồng/1 tháng khi thanh toán công mỗi lứa. Đồng thời ông M có bàn giao cho Công ty S (hai) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230196 cấp ngày 14/10/2009 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230248 cấp ngày 19/10/2009 cùng mang tên hộ Ngô Doãn M và bà Nguyễn Thị Đ. Việc giao nhận giấy tờ trên cho Công ty S là để làm tin đảm bảo cho việc thả gà vào trang trại của ông M.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ năm 2021 đến đầu năm 2022 thì giữa Công ty S và ông Ngô Doãn M vẫn thực hiện theo đúng quy định trong hợp đồng hợp tác chăn nuôi đã ký kết. Tuy nhiên, đối với lứa gà vào 03/01/2022 và lứa gà vào ngày 13/01/2022, sau khi hoàn thành việc gia công chăn nuôi, xuất bán gà thì gia đình ông M không đến Công ty S để đối chiếu công nợ. Đồng thời gia đình ông M tự ý nuôi các con giống khác trong chuồng trại không được sự đồng ý của Công ty S. Theo Điều 6 của Hợp đồng hợp tác chăn nuôi ngày 13/4/2021 thì Công ty S chấm dứt hợp đồng với ông Ngô Doãn M.

Đồng thời, trong quá trình hợp tác chăn nuôi với nhau trước đây (trước năm 2021) thì ông M và Công ty S đã tiến hành hợp tác chăn nuôi gà với nhau. Năm 2020 thì do gà bị dịch bệnh phải tiêu hủy. Phía Công ty S và ông Ngô Doãn M đã thống nhất thỏa thuận cùng chia sẻ thiệt hại với Công ty với số tiền thiệt hại là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Trong Biên bản giao nhận giấy tờ ngày 13/4/2021 cũng có thể hiện nội dung “Ngày 13/4/2021 thống nhất chia sẻ tiền âm của lứa trước số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) trừ vào công mỗi lứa 30 triệu đồng/1 chuồng/1 lứa (8 – 15k)”.

Trong quá trình hợp tác chăn nuôi thì số tiền 400.000.000 đồng (tiền chia sẻ thiệt hại) đã được trừ vào tiền công các lứa gà, cụ thể: Lứa gà vào ngày 19/4/2021 và lứa gà vào 26/4/2021 là 50.000.000 đồng; Lứa gà vào ngày 30/8/2021 là 20.000.000 đồng; Lứa gà vào ngày 06/9/2021 là 20.000.000 đồng; Lứa gà vào ngày 16/9/2021 là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trừ vào cho các lứa là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Đến nay số tiền âm (tiền chia sẻ thiệt hại) còn lại là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng).

Công ty S khởi kiện buộc ông Ngô Doãn M phải trả số tiền 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng) tiền chia sẻ tiền âm; tiền nợ các lứa gà vào ngày 03/01/2022 và lứa gà vào ngày 13/01/2022 là 195.586.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền Công ty yêu cầu ông M phải trả là 485.586.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ý kiến của bị đơn Ngô Doãn M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân T1, bà Nguyễn Thị Đ và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Khoảng năm 2015 – 2016 thì giữa ông Ngô Doãn M và Công ty S có hợp tác chăn nuôi gà với nhau, tuy nhiên các bên không lập hợp đồng về việc chăn nuôi gà. Ngày 13/4/2021 thì ông M và Công ty S có ký Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gà. Ngày 13/4/2021 ông M có ký với Công ty S việc giao nhận tiền cọc, thể hiện là ông M đồng ý trả lãi suất là 1%/100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) từ là 1.000.000 đồng/ 1 tháng khi thanh toán công mỗi lứa.

Cùng ngày 13/4/2021 ông M có bàn giao cho Công ty S (hai) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230196 cấp ngày 14/10/2009 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230248 cấp ngày 19/10/2009 cùng mang tên hộ Ngô Doãn M và bà Nguyễn Thị Đ. Việc giao nhận giấy tờ trên cho Công ty S là để làm tin đảm bảo cho việc thả gà vào trang trại. Hai bên không làm hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất trong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thực hiện đều theo quy định. Đến năm 2020 thì do bị dịch bệnh cả vùng nên gà phải bị tiêu huỷ hết. Phía Công ty S đến trao đổi với gia đình ông M là lứa gà dịch thì Công ty S bị thiệt hại, có thoả thuận với gia đình ông M là phía chủ trang trại sẽ cùng chia sẻ thiệt hại với Công ty S với số tiền là 400.000.000 đồng. Trong Biên bản giao nhận giấy tờ ngày 13/4/2021 cũng có thể hiện nội dung “Ngày 13/4/2021 thống nhất chia sẻ tiền âm của lứa trước số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) trừ vào công mỗi lứa 30 triệu đồng/1 chuồng/1 lứa (8 – 15k)”.

Trong quá trình hợp tác chăn nuôi thì số tiền 400.000.000 đồng (tiền chia sẻ thiệt hại) đã được trừ vào tiền công các lứa gà, số tiền đã trừ vào cho các lứa là 110.000.000 đồng. Đến nay số tiền âm còn lại là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng).

Công ty S có vào gà cho trang trại chúng tôi đổi với lứa vào ngày 03/01/2022 và vào ngày 13/01/2022. Chúng tôi chưa chốt bảng công với nhau.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty S: Yêu cầu Công ty S phải cung cấp bảng tính tiền gia công chăn nuôi các lứa 03/01/2022 và 13/01/2022. Yêu cầu chốt sản lượng gà bán ra để tính tiền công. Đối với số tiền 290.000.000 đồng, theo thoả thuận là có nuôi gà thì có chia sẻ, còn không nuôi gà thì không chia sẻ thiệt hại. Yêu cầu tính phần vượt tiền cám, tiền thuốc cho chúng tôi, yêu cầu có hoá đơn. Đối với số lượng gà chết 3 lứa, tôi yêu cầu tính theo hợp đồng hợp tác ngày 13/4/2021.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 100/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 385, 398, 399, 400, 401, 403, 422, 428, 429, 504, 505, 512 Bộ luật Dân sự; Luật Người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S. Buộc ông Ngô Doãn M có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S số tiền là 485.586.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2024 ông Ngô Doãn M kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Theo hướng bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ngô Doãn M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô Doãn M yêu cầu nguyên đơn cung cấp các số liệu về hợp tác chăn nuôi giữa ông M và Công ty để làm cơ sở cho việc tính toán, giải quyết công nợ của 02 bên.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty S cung cấp cho Hội đồng xét xử 02 bảng thanh toán phí gia công của 02 lứa gà ngày 03/01/2022 và 13/01/2022 có đóng dấu treo của công ty, có chữ ký của người lập Hoàng Thị Kim T3, kế toán trưởng Hoàng Thị Kim T3, Lãnh đạo ký duyệt công Lại Thị T4. Đồng thời đề nghị sử dụng biểu giá từng loại gà mà công ty đã bán (Bản phô tô) đã nộp có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết (Bút lục từ 112-121). Công ty sẽ trừ đi số tiền công và tiền chia sẻ giá bán gà mà ông M được hưởng. Còn thừa thiếu bao nhiêu thì yêu cầu ông M phải trả lại cho công ty các khoản tiền đã ký và số tiền chia sẻ thiệt hại (Tiền nợ) các lứa trước đã chốt 290.000.000đ.

Tại phiên toà, giữa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thống nhất được: Số gà vào để chăn nuôi: 39.500 con; Tỷ lệ gà chết 5%; Số gà xuất bán 76.267,9kg; Số cám dư 19.799kg X 11.700đ/kg = **231.648.300đ**; Số thuốc thú y và V dư là **244.342.200đ**; Tiền lãi của khoản tiền đặt cọc ông M phải trả cho Công ty S **6.200.000đ**. Không thống nhất được loại gà xuất bán là gà thịt hay gà nướng lẩu, tiền công ông M được hưởng, tiền chia sẻ lợi nhuận và không thống nhất được tiền chia sẻ thiệt hại các lứa trước (Tiền nợ) **290.000.000đ**.

Đại diện theo uỷ quyền của Công ty S cho rằng số gà đã xuất bán từ trại của ông M là gà thịt, ông M được hưởng công là 6.000đ/kg và tiền chênh lệch mà ông M được hưởng 50% tiền chênh lệch giá bán vượt quá 62.000đ/kg theo biểu giá từng loại gà mà công ty đã bán (Bản phô tô) đã nộp có trong hồ sơ vụ án là 5.211.300đ. Còn số tiền mà ông M đã nhận nợ, chia sẻ rủi ro của những đàn trước, ông M đã thực hiện được 1 phần là 110.000.000đ, còn lại 290.000.000đ ông M phải có nghĩa vụ thực hiện, trả cho Công ty S.

Đại diện theo uỷ quyền của ông M và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông M cho rằng, toàn bộ số gà mà bị đơn đã hợp tác và chăn nuôi, Công ty S đã xuất bán, ông M đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của phía người nuôi. Số gà đã xuất bán của lứa ngày 03/01/2022 được nuôi 93 ngày, lứa gà ngày 13/01/2022 được nuôi 91 ngày. Cả 02 lứa gà này không đủ điều kiện là gà thịt theo hợp đồng đã ký là 95-110 ngày, trong khi gà nướng lâu là 65-80 ngày. Toàn bộ số cám và thuốc thú y ông M đã phải chịu trách nhiệm. Do đó, toàn bộ số gà đã xuất bán của cả 02 lứa ngày 03/01/2022 và ngày 13/01/2022 được tính là gà nướng lâu, ông M được hưởng công là 5.000đ/kg và hưởng 50% tiền chênh lệch giá bán vượt quá 52.000đ/kg theo biểu giá từng loại gà mà công ty đã bán (Bản phô tô) đã nộp có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết (Bút lục từ 1) là 225.265.825đ. Còn số tiền mà ông M đã nhận nợ, chia sẻ rủi ro của những đàn trước là 400.000.000đ, ông M đã thực hiện được 1 phần là đã trừ 110.000.000đ vào công của các lứa gà ngày 19/4/2021; 26/4/2021; 30/8/2021; 06/9/2021 và ngày 16/9/2021. Nay giữa ông M và Công ty S không còn hợp tác chăn nuôi với nhau nữa, Công ty S yêu cầu ông M phải trả 290.000.000đ, ông M không đồng ý trả.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm. Đối trừ nghĩa vụ của ông M với Công ty S, buộc ông Ngô Doãn M phải có trách nhiệm trả cho Công ty S số tiền là 165.585.175 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Doãn M làm trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Đủ điều kiện để được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Ngô Doãn M.

Ngày 13/4/2021, Công ty Cổ phần S (gọi tắt Công ty S) và ông Ngô Doãn M ký kết Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gà không số và Phụ lục hợp đồng kèm theo.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ năm 2021 đến đầu năm 2022 thì giữa Công ty S và ông Ngô Doãn M đã hợp tác, chăn nuôi các lứa gà **ngày 19/4/2021; 26/4/2021; 30/8/2021; 06/9/2021 và ngày 16/9/2021**. Công ty và ông M đã thanh toán xong, đồng thời đã trừ tiền chia sẻ thiệt hại theo thoả thuận với tổng số tiền 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

Lúa gà vào ngày 03/01/2022 (Bao gồm cả gà thả vào chuồng ngày 06/01/2022) và lúa gà vào ngày 13/01/2022 giữa Công ty S và ông M chưa đối chiếu và thanh toán cho nhau. Do vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Công ty S đã cung cấp biểu giá từng loại gà mà công ty đã bán (Bản phô tô) đã nộp có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết (Bút lục từ 112-121).

Tại phiên toà phúc thẩm người được uỷ quyền của Công ty S cung cấp 02 bảng thanh toán phí gia công có đóng dấu treo của Công ty S.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thống nhất được tổng số gà, số vật tư mà Công ty S đã đưa vào chuồng của ông M bao gồm: Số lượng gà nuôi; Tỷ lệ gà chết 5%; Số tiền cám dư; Số tiền thuốc dư; số gà xuất bán và số lượng gà bán/giá (Theo biểu phô tô của Công ty đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án); Tiền lãi của khoản tiền đặt cọc ông M phải trả cho Công ty S.

Xét thấy, Hợp đồng đã ký giữa 02 bên không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Do vậy, các bên phải thực hiện theo hợp đồng đã ký. Từ bảng bảng thanh toán phí gia công được đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn nộp tại phiên toà và bảng bán gà (phô tô) mà nguyên đơn đã nộp có trong hồ sơ vụ án, theo hợp đồng đã ký. Số gà thực bán lúa ngày 03/01/2022 (Bao gồm cả gà thả vào chuồng ngày 06/01/2022) đều được tính là nuôi là 93 ngày và lúa gà ngày 13/01/2022 được nuôi là 91 ngày, được 02 bên thừa nhận. Thời gian nuôi thực tế của 02 lúa gà trên đều không phù hợp với thời gian nuôi của hợp đồng quy định. Hơn nữa, tại thời điểm Công ty S bán gà, thì giữa Công ty S và ông M không xác định, đối chiếu, phân loại gà theo hợp đồng đã ký. Do vậy, lời khai của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có cơ sở để chấp nhận. Theo đó, tiền công ông M được hưởng chỉ được tính 5.000đ/01 kg là 381.339.500đ, đồng thời ông M chỉ được hưởng số tiền chênh lệch 50% từ số gà Công ty S đã bán trên 52.000^d/kg theo Biểu của công ty có trong hồ sơ là 225.265.825đ, tổng số tiền **606.605.325đ**. Tuy nhiên, ông M phải có trách nhiệm trả toàn bộ tiền cám dư, thuốc thú y và V1 xin dư, tiền lãi của số tiền đặt cọc cho Công ty S là **482.190.500đ**. Đối với số tiền chia sẻ thiệt hại của việc hợp tác giữa Công ty S và ông M trước đây được cả 02 bên thống nhất và thoả thuận ngày 13/4/2021 phải được hiểu là ông M đã nhận nợ với Công ty S, thực tế ông M đã thực hiện được một phần là 110.000.000đ, nay Công ty S yêu cầu ông M phải trả nợ chưa thanh toán số tiền là 290.000.000đ là có căn cứ. Tổng số tiền ông M phải trả cho Công ty S là **772.190.500đ**.

Đối trừ các nghĩa vụ ông Ngô Doãn M và Công ty S. Buộc ông Ngô Doãn M phải trả cho Công ty S số tiền chênh lệch là phù hợp, đúng pháp luật.

Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp AO 230196 cấp ngày 14/10/2009 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230248 cấp ngày 19/10/2009 cùng mang tên hộ Ngô Doãn M và bà Nguyễn Thị Đ, ông M đã giao cho Công ty S để làm tin. Nay đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vẫn đồng ý để làm tin cho đến khi ông M thanh toán xong các khoản tiền cho Công ty S, cần được ghi nhận.

Do vậy, có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Về án phí: Một phần kháng cáo của bị đơn ông Ngô Doãn M được chấp nhận. Do vậy, ông Ngô Doãn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với thực tế và đúng pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Ngô Doãn M.
2. Sửa bản án sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Buộc ông Ngô Doãn M phải trả cho Công ty cổ phần S số tiền 165.585.178đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu lăm trăm tám mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Doãn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

4. Ghi nhận việc người đại diện theo uỷ quyền của ông Ngô Doãn M và bà Nguyễn Thị Đ về 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230196 cấp ngày 14/10/2009 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 230248 cấp ngày 19/10/2009 cùng mang tên hộ Ngô Doãn M và bà Nguyễn Thị Đ mà ông M đã gửi Công ty S cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Giang